

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên toà: Ông Trần Duy Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Phúc Tiếng

2. Ông Lê Đình Trung

Thư ký phiên toà: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 24/9/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 636/2020/TLST–HNGĐ ngày 28/8/2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hồng Tr, sinh năm: 1991; nơi cư trú: Đường Ng, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Thi Sĩ Kiều O, sinh năm: 1992; nơi cư trú: Đường N, phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Hồng Tr trình bày có nội dung:

Anh Nguyễn Hồng Tr và chị Thi Sĩ Kiều O chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 12/01/2011 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống trước khi vợ chồng đăng ký kết hôn thì vợ chồng có 01 là cháu Nguyễn Thi Đăng Ph, sinh ngày 01/11/2010. Hiện nay con chung đang ở cùng với chị O.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, anh Tr xác định: Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng bảy năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp. Sau đó vợ chồng giải quyết yên ổn được một thời gian rồi lại xảy ra mâu thuẫn, xích mích lẫn nhau. Đến năm 2019 thì chị O có làm đơn ly hôn, sau đó được Tòa án hòa giải thì chị O rút đơn ly hôn về cùng chung sống vợ chồng nhưng sau đó vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được. Hiện nay anh đã số ly thân với chị O. Do vậy, nguyện vọng của anh Tr là được ly hôn với chị O.

Về con chung: Vì con chung đang còn nhỏ và đang ở với chị O nên anh Tr đồng ý giao con chung cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng: Anh Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Tr không yêu cầu giải quyết

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Thi Sĩ Kiều O bày có nội dung:

Chị Thi Sĩ Kiều O và anh Nguyễn Hồng Tr chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 12/01/2011 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống trước khi vợ chồng đăng ký kết hôn thì vợ chồng có 01 là cháu Nguyễn Thi Đăng Ph, sinh ngày 01/11/2010. Hiện nay con chung đang ở cùng với chị O.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm, đến khoảng tháng 12/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Tr thường xuyên vắng nhà, làm việc ở ngoài không rõ ràng. Nay anh Tr khởi kiện xin ly hôn thì chị O không đồng ý, chị O mong muốn vợ chồng quay về chung sống đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Tuy nhiên, tại phiên tòa chị O xác định nếu anh Tr nhất định ly hôn thì quan điểm của chị cũng đồng ý.

Về con chung: Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và công nợ chung: không có.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Hồng Tr giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Hồng Tr có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, con chung. Hiện tại, bị đơn là chị

Thi Sĩ Kiều O đang cư trú tại đường N, phường Th, TP. B, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh Tr và chị O chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 12/01/2011 tại UBND phường T, thành phố B trên cơ sở tự nguyện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống với nhau anh chị sống hạnh phúc được thời gian đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm bất đồng vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng sống không hạnh phúc. Nay anh Tr xin ly hôn với chị O là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.2] Ý kiến của bị đơn chị Thi Sĩ Kiều O trong quá trình giải quyết vụ án cho rằng, chị không đồng ý ly hôn và mong muốn cùng anh Tr quay về chung sống để nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị O xác định nếu anh Tr vẫn nhất định ly hôn thì quan điểm của chị cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị O.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thi Đăng Ph, sinh ngày 02/11/2010, hiện nay con chung đang ở với chị O. Xét nguyện vọng của anh Tr là giao con chung cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên là phù hợp. Như vậy, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Ph là mong muốn được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận giao con chung là cháu Nguyễn Thi Đăng Ph cho chị Thi Sĩ Kiều O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn là anh Nguyễn Hồng Tr xác định tự thỏa thuận với chị O nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Hồng Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81; khoản 1 và khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hồng Tr.

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng Tr được ly hôn với chị Thi Sĩ Kiều O.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thi Đăng Ph, sinh ngày 02/11/2010 cho chị Thi Sĩ Kiều O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ph đủ tuổi thành niên.

Anh Nguyễn Hồng Tr có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn là anh Nguyễn Hồng Tr tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Hồng Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012736 ngày 25/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp.B;
- UBND phường T, Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Duy Đức